

UBND TP. CẦN THƠ
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VÀ TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ CỦA DOANH NGHIỆP

THÀNH PHỐ CẦN THƠ - 2026



UBND TP. CẦN THƠ
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VÀ TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ CỦA DOANH NGHIỆP



Quét mã QR để xem tài liệu

(Lưu hành nội bộ)

MỤC LỤC

LỜI NGỎ	5
PHẦN A. DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	7
PHẦN I. CƠ SỞ PHÁP LÝ	8
PHẦN II. CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	11
I. Thực hiện đăng ký cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN)	12
1. Thẩm quyền của Sở Khoa học và Công nghệ TP. Cần Thơ	12
2. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN	12
3. Xác định quy mô doanh nghiệp nhỏ và vừa	15
4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN	16
5. Quy trình cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN	18
II. Thực hiện đăng ký cấp thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN	19
1. Trường hợp cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN	19
2. Hồ sơ đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN	19
3. Quy trình cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN	21
III. Thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN	22
1. Kiểm tra, đánh giá duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận	22
2. Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN:	22
3. Trường hợp hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN	23
IV. Trách nhiệm của doanh nghiệp KH&CN	24

PHẦN III. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ	25
1. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	26
2. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	26
3. Miễn thuế nhập khẩu	27
4. Ưu đãi đất đai	27
5. Hỗ trợ tín dụng, lệ phí	27
6. Hỗ trợ phát triển thị trường	28

PHẦN B. QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN CỦA DOANH NGHIỆP

29

PHẦN I. CƠ SỞ PHÁP LÝ	30
PHẦN II. TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN CỦA DOANH NGHIỆP	32
I. Tổng quan về quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp	33
II. Trích lập quỹ phát triển KH&CN	34
III. Nội dung chi của quỹ đối của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp	35
IV. Cơ chế đặc biệt đối với doanh nghiệp nhà nước (DNNN)	39
V. Quản lý và sử dụng quỹ của doanh nghiệp	40
VI. Nguyên tắc hạch toán và kế thừa quỹ	41
VII. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ	41
VIII. Lưu ý thực tiễn trong quản lý và sử dụng quỹ	42

LỜI NGỎ

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học và công nghệ ngày càng khẳng định vai trò là lực lượng tiên phong trong việc nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa các kết quả khoa học, công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

Nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tiếp cận thuận lợi các cơ chế, chính sách của Nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Sở Khoa học và Công nghệ biên soạn **Sổ tay hướng dẫn thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ và trích lập, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp**. Sổ tay được xây dựng với mục tiêu cung cấp những thông tin cơ bản, dễ hiểu và thiết thực về điều kiện, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; đồng thời giới thiệu các chính sách ưu đãi, hỗ trợ mà doanh nghiệp có thể được hưởng theo quy định hiện hành.

Sổ tay sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp chủ động khai thác hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Trân trọng.



PHẦN A

DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Phần I

CƠ SỞ PHÁP LÝ



- 1.** Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 (Điều 39, hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2025).
- 2.** Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 (Điều 15, Điều 16, hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2026).
- 3.** Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 (Điều 16, hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2016).
- 4.** Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (Điều 157, hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025).
- 5.** Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (Điều 12, 13, 14, hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2025).
- 6.** Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.
- 7.** Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15.
- 8.** Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15.
- 9.** Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15.
- 10.** Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.
- 11.** Nghị định số 268/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Chương IV, hiệu lực từ ngày 14 tháng 10 năm 2025)
- 12.** Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư.

- 13.** Nghị định số 32/2017/NĐ-CP; Nghị định số 78/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP về tín dụng đầu tư của Nhà nước.
- 14.** Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định về lệ phí trước bạ.
- 15.** Nghị định số 134/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.
- 16.** Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.
- 17.** Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định về lựa chọn nhà thầu.



() Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản viện dẫn tại Sổ tay hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.*



Phần II

CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ





I. THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (KH&CN)



1. Thẩm quyền của Sở Khoa học và Công nghệ TP. Cần Thơ

Sở Khoa học và Công nghệ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, cấp thay đổi nội dung, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

Phối hợp với các cơ quan có liên quan để thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ.

Cập nhật dữ liệu về doanh nghiệp KH&CN vào Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.



2. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

2.1 Tiêu chí chung

(1) Được thành lập và đang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

(2) Tạo ra sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ một trong các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp, bao gồm:

a) Sáng chế; giải pháp hữu ích; kiểu dáng công nghiệp; thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn được bảo hộ tại Việt Nam;

b) Chương trình máy tính đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;

c) Giống vật nuôi mới; giống cây trồng mới; giống thủy sản mới; giống cây lâm nghiệp mới; tiến bộ kỹ thuật đã được bảo hộ hoặc công nhận;

d) Kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được nghiệm thu hoặc xác nhận, công nhận theo quy định pháp luật;

đ) Công nghệ nhận chuyển giao theo hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký theo quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2.2 Tiêu chí riêng (theo quy mô doanh nghiệp)

(1) Điều kiện đối với doanh nghiệp lớn:

a) Chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo $\geq 2\%$ doanh thu thuần bình quân trong 03 năm tài chính liên kế hoặc từ 200 tỷ đồng Việt Nam/năm trở lên trong 03 năm tài chính liên kế;

b) Bộ phận nghiên cứu và phát triển ≥ 10 nhân lực trình độ từ đại học, ít nhất 05 người là người Việt Nam;

c) Sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo $\geq 30\%$ tổng doanh thu hoặc 90 tỷ đồng/năm trở lên trong 03 năm tài chính liên kế;

d) Sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mang lại một trong các hiệu quả: Xuất khẩu; tạo ra từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao; đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

(2) Điều kiện đối với doanh nghiệp vừa:

a) Chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo $\geq 2\%$ doanh thu thuần bình quân trong 03 năm tài chính liên kế;

b) Bộ phận nghiên cứu phát triển ≥ 05 nhân lực trình độ đại học;

c) Sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo $\geq 20\%$ tổng doanh thu trong 03 năm tài chính liên kế.

(3) Điều kiện đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ:

a) Chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo $\geq 2\%$ doanh thu thuần bình quân trong 03 năm tài chính liên kế;

b) Có ≥ 02 nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoặc thuê ≥ 02 chuyên gia từ cơ sở nghiên cứu/đào tạo;

c) Có ≥ 01 sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang được thương mại hóa.

2.3 Minh chứng cho các điều kiện

(1) Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm: Chi phí nhân sự R&D; Chi phí vật tư, nguyên vật liệu; Chi phí dịch vụ, chuyên gia, thuê ngoài; Chi phí SHTT và pháp lý...

(2) Nhân lực R&D: Quyết định thành lập bộ phận/phòng/ban R&D; Bảng kê khai nhân sự R&D; Hợp đồng hoặc bảng lương của nhân sự R&D.

(3) Doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Bản kê khai và cam kết của doanh nghiệp kèm báo cáo tài chính để đối chiếu.

(4) Các minh chứng cho điều kiện riêng của doanh nghiệp lớn: Hợp đồng/Kê khai hải quan với sản phẩm xuất khẩu; Văn bằng giải thưởng...



3. Xác định quy mô doanh nghiệp nhỏ và vừa

Quy mô doanh nghiệp được xác định theo quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

BIỂU MẪU

Xác định quy mô **doanh nghiệp nhỏ và vừa**





4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN bao gồm:

a) Bản chính đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

b) Bản sao văn bản công nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP:

- Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;

- Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Quyết định công nhận hoặc tự công bố giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, giống cây lâm nghiệp mới theo quy định của pháp luật chuyên ngành; quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật;

- Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước; Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước;

- Các văn bản xác nhận, công nhận khác có giá trị pháp lý tương đương.

c) Bản chính phương án sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp KH&CN: chứng minh việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 49 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

CÁC BIỂU MẪU

**Mẫu đơn đề nghị
cấp Giấy chứng nhận
doanh nghiệp KH&CN**

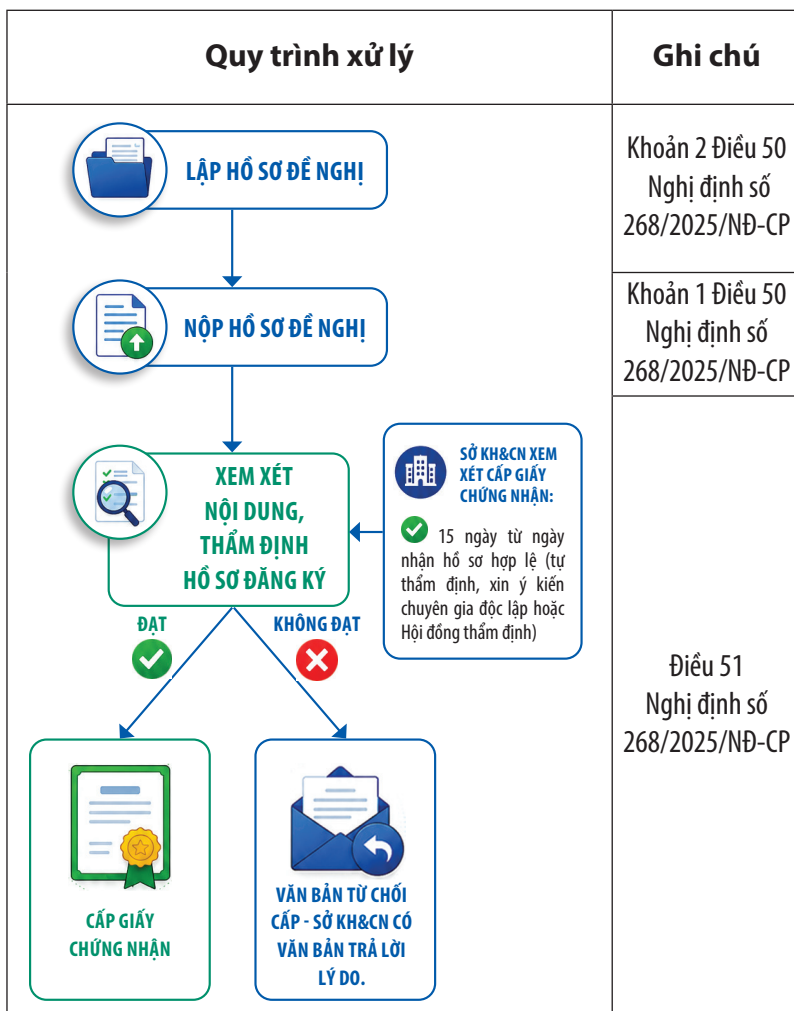


**Mẫu phương án
sản xuất, kinh doanh**





5. Quy trình cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN





II. THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ CẤP THAY ĐỔI NỘI DUNG, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KH&CN



1. Trường hợp cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

Doanh nghiệp đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trong các trường hợp sau đây:

- a) Thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- b) Thay đổi danh mục kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; thay đổi danh mục sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN;
- c) Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.



2. Hồ sơ đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

Hồ sơ đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN;
- b) Phương án sản xuất kinh doanh đối với trường hợp bổ sung danh mục kết quả và danh mục sản phẩm trên Giấy chứng nhận.

CÁC BIỂU MẪU

**Mẫu đơn đề nghị
cấp thay đổi nội dung,
cấp lại Giấy chứng nhận
doanh nghiệp KH&CN**

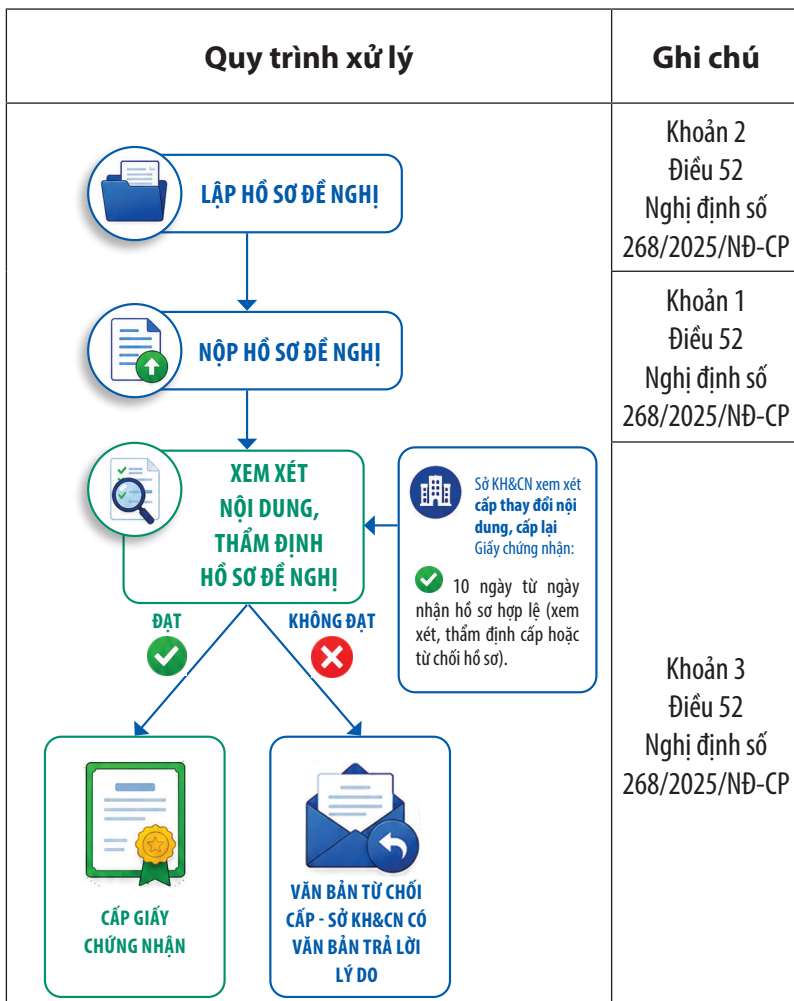


**Mẫu phương án
sản xuất, kinh doanh**





3. Quy trình cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN





III. THU HỒI, HỦY BỎ HIỆU LỰC GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KH&CN



1. Kiểm tra, đánh giá duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận

Định kỳ 03 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, Sở Khoa học và Công nghệ TP. Cần Thơ tổ chức kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các điều kiện quy định tại Điều 49 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP để xem xét việc duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.



2. Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN:

Thực hiện **thu hồi** Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp KH&CN giải thể, phá sản, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp KH&CN không thực hiện chế độ báo cáo trong 03 năm liên tiếp;

c) Doanh nghiệp không còn quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Doanh nghiệp không đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 49 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP trong 03 năm liên tiếp (chỉ cho R&D; nhân lực R&D; doanh thu KH,CN&ĐMST).

Trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp **không tiếp tục được hưởng** những chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp KH&CN.



3. Trường hợp hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

Thực hiện **hủy bỏ** hiệu lực Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi xâm phạm quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đã kê khai trong hồ sơ;

b) Có các hành vi giả mạo nội dung hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

Trường hợp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN bị hủy bỏ hiệu lực, doanh nghiệp có trách nhiệm **hoàn trả** toàn bộ các khoản ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước dành cho doanh nghiệp KH&CN đã được hưởng và bị xử lý theo quy định của pháp luật.





IV. TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP KH&CN

1. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của việc sở hữu, sử dụng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Doanh nghiệp KH&CN thực hiện việc báo cáo đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

BIỂU MẪU

**Mẫu báo cáo tình hình
hoạt động sản xuất, kinh doanh**



Phần III

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ





1. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm (điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP); Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (khoản 1 Điều 20 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP);

b) Được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp (Điều 17 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15);

c) Khấu trừ 200% chi phí R&D khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp (tiểu điểm a1 khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP);

d) Ưu đãi cho sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mới được bổ sung vào Giấy chứng nhận như lần đầu cấp mới (Khoản 2 Điều 56 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP).



2. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (khoản 17 Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15);

b) Thu nhập từ quyền tác giả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi kết quả nhiệm vụ được thương mại hóa (khoản 18 Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15).



3. Miễn thuế nhập khẩu

a) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất; (khoản 13 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13)

b) Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho R&D, ương tạo, đổi mới công nghệ. (khoản 21 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13)



4. Ưu đãi đất đai

a) Dự án sản xuất, kinh doanh sản phẩm KH&CN được miễn tiền thuê đất từ 3 năm đến 19 năm phụ thuộc vào địa bàn thực hiện. (Nghị định số 103/2024/NĐ-CP);

b) Doanh nghiệp được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để xây dựng phòng thí nghiệm, cơ sở ương tạo, cơ sở thực nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm, cơ sở vật chất, hạ tầng dùng chung để hỗ trợ R&D và ĐMST. (Điều 71 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15).



5. Hỗ trợ tín dụng, lệ phí

a) Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm KH&CN của doanh nghiệp KH&CN được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước

(Nghị định số 32/2017/NĐ-CP, Nghị định số 78/2023/NĐ-CP, Quy chế vay vốn tín dụng đầu tư);

b) Được hỗ trợ từ các quỹ của Nhà nước để thực hiện các hoạt động R&D, thương mại hóa, đổi mới công nghệ;

c) Miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà. (khoản 30 Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP)



6. Hỗ trợ phát triển thị trường

a) Ưu đãi về đấu thầu: Sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi khi lựa chọn nhà thầu (Điều 6 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP);

b) Hỗ trợ truyền thông, xúc tiến thương mại. (khoản 2 Điều 39 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15).



PHẦN B

QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN CỦA DOANH NGHIỆP



Phần I

CƠ SỞ PHÁP LÝ



1. Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 (Điều 66, hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2025)
2. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (Điều 17, hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2025).
3. Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.
4. Nghị định số 265/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Điều 13, 14, hiệu lực từ ngày 14 tháng 10 năm 2025).
5. Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Điều 22, hiệu lực từ 15 tháng 12 năm 2025).
6. Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Điều 9, hiệu lực từ 12 tháng 3 năm 2026).



() Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản viện dẫn tại Sổ tay hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.*

Phần II

TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN CỦA DOANH NGHIỆP





I. TỔNG QUAN VỀ QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN CỦA DOANH NGHIỆP (GỌI TẮT LÀ QUỸ)

1. Đối tượng trích lập Quỹ

Các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Hồ sơ pháp lý khi trích lập, sử dụng Quỹ

(1) Quyết định thành lập Quỹ.

(2) Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ.

(3) Quy chế quản lý nội bộ (khi sử dụng Quỹ để mua lại, sáp nhập, đầu tư/cùng đầu tư vào dự án/doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo).

3. Cơ quan, đơn vị nhận báo cáo

(1) Cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp;

(2) Sở Khoa học và Công nghệ;

(3) Sở Tài chính.

Thời hạn nộp: cùng thời điểm nộp báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

BIỂU MẪU

Mẫu báo cáo thuế hàng năm



II. TRÍCH LẬP QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN

(Căn cứ Điều 17 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15)

➤ **1. Mức trích lập:** Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ.

➤ **2. Yêu cầu giải ngân:** Trong 05 năm kể từ khi trích lập, Quỹ phải được sử dụng ít nhất 70% và đúng mục đích.

➤ **3. Nghĩa vụ thuế khi vi phạm (Thu hồi thuế & Tính lãi):**

Trường hợp Quỹ không được sử dụng, sử dụng < 70% hoặc sai mục đích, doanh nghiệp phải nộp lại NSNN:

(1) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN): Tính trên phần Quỹ không sử dụng hoặc sử dụng sai mục đích

(2) Thuế lãi: Tính trên số thuế TNDN bị thu hồi nêu trên.



III. NỘI DUNG CHI CỦA QUỸ ĐỐI CỦA DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

(Căn cứ Điều 66 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15)

Doanh nghiệp được sử dụng Quỹ để thực hiện 05 nhóm nội dung chính:

- Trực tiếp thực hiện, đặt hàng hoặc thuê thực hiện nhiệm vụ KHCN & ĐMST.
- Hỗ trợ hoạt động KHCN & ĐMST (Trang bị cơ sở vật chất; đổi mới công nghệ; đào tạo; tiêu chuẩn...).
- Thực hiện mua, sáp nhập, đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (**Tối đa 5% thu nhập**).
- Tổ chức triển khai hoặc thuê đối tác thực hiện hoạt động nghiên cứu tại nước ngoài.
- Chi quản lý Quỹ phát triển KH&CN của chính doanh nghiệp.

➤ 1. NỘI DUNG CHI: THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHCN & ĐMST (Căn cứ khoản 3 Điều 13 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP)

(Lưu ý: Không bao gồm chi phí sản xuất, tiếp thị)

(1) Chi phí Công lao động: Lương, tiền công cho nhân sự trực tiếp R&D.

(2) Chi phí Vật tư & Thử nghiệm: Vật liệu, điện năng; chi phí mẫu/nguyên mẫu; đo lường, kiểm tra.

(3) Chi phí Khấu hao: Máy móc, phòng thí nghiệm; tài sản vô hình (bản quyền, sáng chế...).

(4) Chi phí Sở hữu trí tuệ: Đăng ký bảo hộ, duy trì văn bằng; thuê chuyên gia/đại diện SHTT.

(5) Chi phí Thuê ngoài & Hợp tác: Dịch vụ R&D bên ngoài; hợp tác với viện nghiên cứu, trường Đại học.

➤ **2. NỘI DUNG CHI: HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KHCN & ĐMST** (Căn cứ khoản 5 Điều 13 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP)

(1) Hạ tầng: Xây dựng tổ chức R&D, phòng kiểm nghiệm; hạ tầng cơ sở dữ liệu.

(2) Mua máy móc, thiết bị, phần mềm: Mua bí quyết, thiết kế; mua máy móc, phần mềm tiên tiến thay thế công nghệ cũ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới.

(3) Đào tạo & Hợp tác: Đào tạo R&D; khảo sát tìm kiếm công nghệ trong và ngoài nước.

(4) Tiêu chuẩn & Thương mại hóa: Áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; đăng ký chứng nhận chất lượng; đánh giá, quảng bá sản phẩm mới.

➤ **3. NỘI DUNG CHI: ĐẦU TƯ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO** (Căn cứ khoản 2 Điều 13 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP)

Mục đích & Hạn mức:

Mua, sáp nhập, đầu tư vào dự án/doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (Tối đa 5% thu nhập tính thuế hằng năm).

Phải ban hành quy chế quản lý nội bộ:

Quy định về nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thẩm quyền và giám sát báo cáo về mua lại, sáp nhập, đầu tư.

Nguyên tắc:

- Công khai, minh bạch, quản lý rủi ro tài chính và công nghệ, có biện pháp phòng ngừa xung đột lợi ích;
- Tuân thủ giới hạn rủi ro đầu tư đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ hằng năm;
- Tuân thủ quy trình nội bộ về thẩm định, phê duyệt, ký kết và giám sát báo cáo.

Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:

- Có đăng ký kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam;
- Có sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo, có tiềm năng tăng trưởng nhanh;
- Có khả năng tạo ra lợi ích tài chính hoặc chiến lược phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp nhà nước.

Hồ sơ đề xuất chủ trương gồm:

- Mô tả về dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;
- Mục tiêu mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư;
- Đề xuất mức mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư;
- Phân tích sơ bộ rủi ro và lợi ích.

Phải thực hiện thẩm định nội bộ hoặc thuê đơn vị độc lập để đánh giá các rủi ro:

- Công nghệ (tính khả thi);
- Thị trường (tiềm năng và cạnh tranh);
- Tài chính (dòng tiền, chi phí, lợi nhuận).

➡ Kết quả thẩm định là căn cứ bắt buộc trước khi phê duyệt đầu tư.

Quyết định phê duyệt do Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo thẩm quyền quyết định trên cơ sở:

- Kết quả thẩm định;
- Đề xuất mức mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư;
- So sánh với ngưỡng rủi ro và tổng mức rủi ro được phê duyệt.

Việc ký kết hợp đồng phải đảm bảo:

- Có điều khoản thoái vốn hoặc xử lý tổn thất rõ ràng;
- Có quy định ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về thực hiện đúng cam kết.

Cơ chế giám sát, đánh giá và báo cáo:

- Thiết lập cơ chế theo dõi định kỳ (hàng quý hoặc 6 tháng) đối với:

+ Hoạt động của dự án khởi nghiệp sáng tạo/doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

+ Hiệu quả tài chính;

+ Các dấu hiệu rủi ro phát sinh.

- Xây dựng và ban hành quy trình xử lý rủi ro/tổn thất khi xuất hiện:

+ Dừng đầu tư;

+ Rút vốn;

+ Chuyển đổi hình thức hợp tác.

Doanh nghiệp nhà nước, tổ chức công lập, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm:

- Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước; cơ quan tài chính có thẩm quyền (nếu cần).

- Phải thực hiện kiểm toán độc lập hằng năm đối với:

+ Danh mục đầu tư;

+ Báo cáo tài chính liên quan;

+ Kết quả thực hiện các cam kết.

4. NỘI DUNG CHI KHÁC (Căn cứ khoản 4, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP)

(1) Nghiên cứu tại nước ngoài: Tổ chức hoặc thuê đối tác triển khai thực hiện (không phải thông qua dự án đầu tư); tuân thủ các quy định bảo vệ bí mật nhà nước và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ.

(2) Chi quản lý: Chi quản lý hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN tại doanh nghiệp.



IV. CƠ CHẾ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC (DNNN)

(Áp dụng cho dự án trọng điểm, công nghệ chiến lược - Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP)

 **1.** Chỉ định thuê chuyên gia trong/ngoài nước, chi trả theo mức kinh phí thỏa thuận.

- 2. Chỉ định nhà cung cấp, đàm phán mua trực tiếp thiết bị nước ngoài để giải mã công nghệ.
- 3. Tự chủ lựa chọn, thương thảo và mua trực tiếp bí quyết công nghệ.
- 4. Triển khai dự án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài để tiếp cận, làm chủ công nghệ.
- 5. Được mua lại, sáp nhập phòng thí nghiệm, doanh nghiệp thông qua đàm phán trực tiếp, **không bắt buộc đấu thầu** để sở hữu bí quyết công nghệ.



V. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

(Căn cứ Điều 14 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP)

➤ 1. Quyền tự chủ & Trách nhiệm

Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng Quỹ. Tự kê khai và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của chứng từ.

➤ 2. Quy chế & Chứng từ chi

Các khoản chi phải có đầy đủ chứng từ theo Quy chế chi tiêu.

➤ 3. Nguyên tắc hạch toán

Khoản chi từ Quỹ không được trùng lặp với các khoản chi R&D tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

➤ 4. Nguồn đóng góp hiến, tặng

Sử dụng theo thỏa thuận và tuân thủ quy định pháp luật. Số dư chưa dùng hết **được chuyển sang năm sau**, không giới hạn thời gian, không nộp NSNN.



VI. NGUYÊN TẮC HẠCH TOÁN VÀ KẾ THỪA QUỸ

(Căn cứ Điều 17 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15)

➤ 1. Nguyên tắc hạch toán

Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp **không được hạch toán** các khoản chi từ Quỹ phát triển KH&CN vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

➤ 2. Quy định về kế thừa

Doanh nghiệp đang hoạt động có thay đổi do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình thì doanh nghiệp mới được **kế thừa và chịu trách nhiệm** quản lý, sử dụng Quỹ của doanh nghiệp trước khi chuyển đổi.



VII. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ

➤ 1. Miễn, giảm thuế (Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP, Nghị quyết số 198/NQ-CP)

Miễn tối đa 03 năm (hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, sản phẩm mới/thử nghiệm); Miễn 4 năm và giảm 50% trong 9 năm (Dự án đầu tư mới thuộc khoản 1 Điều 20 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP); Miễn 2 năm và giảm 50% trong 4 năm (Dự án đầu tư mới thuộc khoản 4 Điều 20 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).

➤ **2. Thuế suất ưu đãi** (Căn cứ Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15; Nghị định số 320/2025/NĐ-CP)

Thuế suất 10% trong 15 năm (có thể kéo dài) cho dự án ứng dụng công nghệ cao, phần mềm, công nghệ số, bán dẫn.

➤ **3. Hỗ trợ chi phí** (Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP)

Chi phí phát sinh liên quan đến R&D được trừ tối đa 200% tính trên chi phí thực tế.

➤ **4. Cơ chế trích lập Quỹ** (Căn cứ Điều 17 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15; Nghị quyết số 198/NQ-CP)

Doanh nghiệp trích tối đa 20% thu nhập lập Quỹ; Thu nhập dùng Quỹ đầu tư KHCN & ĐMST không tính vào thu nhập chịu thuế.



VIII. LƯU Ý THỰC TIỄN TRONG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ

➤ 1. Ban hành quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ

Ban hành quy chế, quy định rõ nguyên tắc quản lý, thẩm quyền phê duyệt, nội dung chi....

➤ 2. Đảm bảo tính mục đích

Các khoản chi phải gắn trực tiếp với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST & CĐS.

➤ **3. Tránh hạch toán trùng lặp**

Phân biệt rõ khoản chi từ Quỹ và khoản chi được tính vào chi phí trừ.

➤ **4. Lưu trữ hồ sơ R&D**

Xây dựng kế hoạch nghiên cứu, báo cáo tiến độ, biên bản nghiệm thu,...

➤ **5. Tăng cường hợp tác**

Viện nghiên cứu - trường Đại học - tổ chức KH&CN.

➤ **6. Gắn với chiến lược**

Xây dựng danh mục nhiệm vụ KHCN & ĐMST trung và dài hạn - gắn với chiến lược phát triển.

Tài liệu xuất bản:

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA DOANH NGHIỆP

Chịu trách nhiệm chỉnh sửa nội dung:

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. CẦN THƠ

Số 02 đường Lý Thường Kiệt, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Email: sokhcn@cantho.gov.vn

Website: <https://sokhcn.cantho.gov.vn/>

Điện thoại: 02923.819308

In 1.500 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty CP In tổng hợp Cần Thơ. Địa chỉ: 500 đường 30/4, phường Tân An, TP. Cần Thơ. Giấy phép xuất bản số: /GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch TP. Cần Thơ cấp ngày / /2026. In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 2026



